

Bản án số: 10/2020/DS-PT

Ngày 11/05/2020

V/v *Tranh chấp Hợp đồng chuyển nhượng
QSDĐ là tài sản bị cưỡng chế thi hành án.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Cảnh;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Sinh, và ông Đặng Ngọc Ba.

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Minh Chiến - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai: Ông Lê Thế Nhơn - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 11/05/2020, tại Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 53/2019/TLPT-DS ngày 10/10/2020 về “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản bị cưỡng chế thi hành án*”

Do Bản án dân sự sơ thẩm 15/2019/DS - ST ngày 06/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 114/2019/QĐ-PT ngày 20/01/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

Ông Đinh Trọng C, bà Vũ Thị S; cùng địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn C, huyện Đ Cơ, tỉnh Gia Lai. Ông C có mặt, bà S vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Tống Đức Ngũ; địa chỉ: 26 Lý Thái Tổ, thành phố P, tỉnh Gia Lai, có mặt.

Bị đơn:

Ông Hoàng An V; địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai do bà Bùi Thị Ngọc N - Chi cục trưởng làm người đại diện theo pháp luật. Bà N có mặt

2. Bà Nguyễn Thị H; địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, vắng mặt.

3. Ông Hồ Hữu L, bà Mai Thị N; cùng địa chỉ: Tổ dân phố D, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, vắng mặt.

4. Văn phòng Công chứng Đ, tỉnh Gia Lai (nay là Văn phòng công chứng Trần V) do ông Trần Thân V – Trưởng văn phòng làm người đại diện theo pháp luật. Ông V vắng mặt.

Người kháng cáo:

Nguyên đơn ông Đinh Trọng C, bà Vũ Thị S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày:

Ông Hoàng An V, bà Nguyễn Thị H là vợ chồng. Ngày 22/12/2014 bà H ký hợp đồng ủy quyền ông V trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đ và toàn quyền quản lý, sử dụng, cho thuê, chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp đối với thửa đất số 64, tờ bản đồ số 22, diện tích 1.525m² địa chỉ tại xã Ia Kriêng, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông V, bà H ngày 12/3/2007 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 556566. Hợp đồng ủy quyền được Văn phòng công chứng X, tỉnh Gia Lai công chứng cùng ngày.

Đến ngày 09/5/2017, ông Hoàng An V ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất nói trên cho vợ chồng nguyên đơn (ông Đinh Trọng C, bà Vũ Thị S). Hợp đồng được Văn phòng công chứng Đ, tỉnh Gia Lai công chứng ngày 09/5/2017.

Sau khi ký kết hợp đồng, ông C, bà S đi làm thủ tục sang tên trước bạ thì không được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai – Chi nhánh huyện Đ thực hiện, với lý do: đất đang bị Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ kê biên để thi hành các khoản nợ của bà Nguyễn Thị H. Việc Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ ban hành Quyết định cưỡng chế số 02/QĐ-CCTHADS ngày 31/10/2016 kê biên thửa đất nêu trên của ông V, bà H để thi hành án nhưng không tổng đạt hợp lệ cho ông V, bà H nên ông V, bà H không biết thửa đất này đã bị kê biên.

Theo ông C, bà S thì Quyết định cưỡng chế số 02/QĐ-CCTHADS ngày 31/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ không hợp pháp, còn hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông V với ông C, bà S được công chứng là hợp pháp nên có hiệu lực pháp luật.

Ông C, bà S yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Hoàng An V với ông C, bà S được Văn phòng công chứng Đ công chứng ngày 09/5/2017 có hiệu lực pháp luật, và buộc ông V hoàn thành việc đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông C, bà S.

Bị đơn Hoàng An V trình bày như sau:

Ngày 22/12/2014, khi còn là vợ chồng, bà H ký hợp đồng ủy quyền cho ông trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đ, và toàn quyền quản lý, sử dụng, cho thuê, chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp đối với thửa đất số 64, tờ bản đồ số 22, diện tích 1.525m² có địa chỉ tại

xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông V, bà H ngày 12/3/2007 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 556566.

Ông đã trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đ. Ngày 09/5/2017, ông ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên cho ông C, bà S. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được Văn phòng công chứng Đ, tỉnh Gia Lai chứng thực.

Khi ông C, bà S đi làm thủ tục sang tên trước bạ thì không được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận vì lý do phần đất ông chuyển nhượng cho ông C, bà S đã bị Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ kê biên.

Ông V và bà H không được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ tổng đạt Quyết định cưỡng chế số 02/QĐ-CCTHADS ngày 31/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ nên Quyết định nêu trên không hợp pháp, và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông với vợ chồng ông C, bà S là hợp pháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hồ Hữu L, bà Mai Thị N trình bày:

Ông Hồ Hữu L và bà Mai Thị N là vợ chồng. Năm 2012, bà Nguyễn Thị H vay của vợ chồng bà 255.500.000 đồng nhưng không trả vì vậy bà đã khởi kiện bà H. Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2015/DS-ST ngày 19/5/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã buộc bà Nguyễn Thị H trả cho vợ chồng bà 255.500.000 đồng.

Do bà H không tự nguyện thi hành án nên vợ chồng ông bà đã làm đơn yêu cầu thi hành án. Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ đã ra quyết định kê biên thửa đất số 64, tờ bản đồ số 22 là tài sản chung của ông Hoàng An V và bà H để thi hành án. Tuy nhiên, cho đến nay Chi cục thi hành án huyện Đ vẫn chưa bán thửa đất nói trên để thi hành án trả tiền cho vợ chồng ông bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ do bà Bùi Thị Ngọc N là người đại diện theo pháp luật trình bày:

Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2015/DS-ST ngày 19/5/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tuyên buộc bà Nguyễn Thị H trả cho ông Hồ Hữu L và bà Mai Thị N 255.500.000 đồng. Bà H phải chịu 12.775.000 đồng tiền án phí.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà H không tự nguyện thi hành án nên ông L, bà N đã làm đơn yêu cầu cưỡng chế thi hành án. Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ đã ban hành Quyết định cưỡng chế số 02/QĐ – CCTHADS ngày 31/10/2016 kê biên thửa đất số 64, tờ bản đồ số 22 để thi hành Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2015/DS-ST ngày 19/5/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đ. Quyết định cưỡng chế số 02/QĐ – CCTHADS ngày 31/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ được ban hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Văn phòng công chứng Đ (nay là Văn phòng Công chứng Trần V) do ông Trần Thân V – Trưởng văn phòng là người đại diện theo pháp luật trình bày:

Ngày 09/5/2017, Văn phòng Công chứng Đ có nhận yêu cầu công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng là ông Hoàng An V với bên nhận chuyển nhượng là ông Đinh Trọng C, bà Vũ Thị S. Công chứng viên đã kiểm tra hồ sơ pháp lý, nhận thấy hồ sơ đáp ứng đầy đủ điều kiện chuyển nhượng theo quy định của pháp luật nên đã tiến hành công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Vì vậy, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên là hợp pháp.

-Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhưng bà H vắng mặt. Do đó, hồ sơ vụ án không có lời khai, ý kiến của bà H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2019/DS - ST ngày 6/8/2019, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Căn cứ Điều 188 của Luật đất đai năm 2013; các Điều 116, 117, 122, 123, 288, 500, 501, 502, 503 của Bộ luật Dân sự, các Điều 144, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

-Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Trọng C và bà Vũ Thị S.

-Về án phí: Buộc ông Đinh Trọng C và bà Vũ Thị S liên đới chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất có hiệu lực pháp luật và 300.000 đồng án phí đối với yêu cầu hoàn thành việc đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất để sung quỹ Nhà nước, được trừ 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0003028 ngày 18/12/2018 và số 0002385 ngày 2/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Ông C, bà S đã nộp đủ án phí.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án; tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 23/08/2019, nguyên đơn ông Đinh Trọng C, bà Vũ Thị S kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nội dung, yêu cầu kháng cáo.

Các bên đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Đảm bảo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định của pháp luật, các thủ tục khai mạc phiên tòa và các thủ tục khác được Hội đồng xét xử và Chủ tọa phiên tòa điều hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, các bên đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy Tòa sơ thẩm giải quyết đúng quy định pháp luật, kháng cáo của nguyên đơn không có cơ sở, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản khoản 1 Điều 308 BLTTDS 2015, không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm, buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 09/5/2017, bị đơn ông Hoàng An V ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 64, tờ bản đồ số 22, diện tích 1.525m² có địa chỉ tại xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, là đất thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông Hoàng An V, bà Nguyễn Thị H (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 556566 ngày 12/3/2007) cho vợ chồng nguyên đơn (ông Đinh Trọng C, bà Vũ Thị S). Hợp đồng được Văn phòng công chứng Đ, tỉnh Gia Lai công chứng **ngày 09/5/2017**. Sau khi ký kết hợp đồng, ông C, bà S làm thủ tục sang tên trước bạ thì không được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai – Chi nhánh huyện Đ thực hiện, với lý do: đất đang bị Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ quyết định kê biên để cưỡng chế thi hành các khoản nợ của bà Nguyễn Thị H.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất nêu trên giữa nguyên đơn và bị đơn được Văn phòng công chứng Đ công chứng ngày 09/5/2017 là hợp đồng có hiệu lực pháp luật, và buộc bị đơn ông Hoàng An V hoàn thành việc đăng ký quyền sử dụng đất đã chuyển nhượng cho nguyên đơn. Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản bị cưỡng chế thi hành án để giải quyết sơ thẩm, là đúng.

[2] Xét thấy: Qua vụ kiện được giải quyết bằng Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2015/DS-ST ngày 19/5/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đ thể hiện bà H, ông V đã biết ông L, bà N khởi kiện yêu cầu bà H phải trả 255.500.000 đồng mà bà H đã vay theo giấy vay lập ngày 6/5/2013. Cụ thể vụ kiện này đã được Tòa án **thụ lý ngày 20/10/2014** (BL: 74), nhưng đến ngày 22/12/2014, bà Nguyễn Thị H lại ủy quyền cho ông Hoàng An V được thay mặt và nhân danh bà trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh huyện Đ, sau khi trả nợ xong ông V toàn quyền quản lý, sử dụng, cho thuê, chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp quyền sử dụng đất được cấp theo GCNQSDĐ số AG 556556 thuộc thửa đất số 64, tờ bản đồ 22, địa chỉ tại xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, diện tích 1.525m² do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 12/3/2007 (BL: 80). Việc bà H làm giấy ủy quyền cho ông V toàn quyền quản lý, sử dụng, cho thuê, chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp quyền sử dụng đất được cấp theo GCNQSDĐ số AG 556556 là có dấu hiệu trốn tránh nghĩa vụ của bà H về việc trả nợ cho ông L, bà N.

[3] Tại Điều 24 Nghị Định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định: *“Kể từ thời điểm bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, nếu người phải thi hành án chuyển đổi, tặng cho, bán, chuyển nhượng, thế chấp, cầm cố tài sản cho người khác mà không sử dụng khoản tiền thu được để thi hành án và không còn tài sản khác hoặc tài sản khác không đủ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án thì tài sản đó vẫn bị kê biên, xử lý để thi hành án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Khi kê biên tài sản, nếu có người khác tranh chấp thì Chấp hành viên thông báo cho đương sự, người có tranh chấp thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 75 Luật Thi hành án dân sự.*

Trường hợp đã bị áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp khẩn cấp tạm thời, biện pháp bảo đảm thi hành án, biện pháp cưỡng chế thi hành án mà tài sản bị chuyển đổi, tặng cho, bán, chuyển nhượng, thế chấp, cầm cố cho người khác thì tài sản đó bị kê biên, xử lý để thi hành án; Chấp hành viên có văn bản yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch đối với tài sản đó vô hiệu hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hủy giấy tờ liên quan đến giao dịch đối với tài sản đó”.

[4] Xét thấy Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2015/DS-ST ngày 19/5/2015 có hiệu lực thi hành, và ngày 19/6/2015, Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ đã ra quyết định số 206/QĐ-CCTHA về việc “thi hành án chủ động”, song bà Nguyễn Thị H không tự nguyện thi hành nghĩa vụ trả nợ theo Quyết định thi hành án, nên đến ngày 31/10/2016, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ ban hành Quyết định cưỡng chế số 02/QĐ-CCTHADS kê biên thửa đất nêu trên của ông V, bà H để thi hành Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2015/DS-ST ngày 19/5/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đ là đúng quy định pháp luật.

Do quyền sử dụng đối với thửa đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 556556 đã bị cơ quan Thi hành án dân sự Quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án từ ngày 31/10/2016, nên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được lập và được công chứng ngày 9/5/2017 giữa bên chuyển nhượng là ông Hoàng An V với bên nhận chuyển nhượng là ông Đinh Trọng C, bà Vũ Thị S không có hiệu lực pháp luật vì vi phạm điều cấm của luật.

Như vậy, Tòa án sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng.

[5] Nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn và bị đơn được Văn phòng công chứng Đ công chứng ngày 09/5/2017 có hiệu lực pháp luật, và yêu cầu buộc bị đơn ông V hoàn thành việc đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã chuyển nhượng cho vợ chồng nguyên đơn; mà không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu nên Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Nguyên đơn có thể khởi kiện yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu bằng một vụ án khác.

[6] Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Do kháng cáo không được chấp nhận, nguyên đơn ông Đinh Trọng C, bà Vũ Thị S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Từ các nhân định trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Đinh Trọng C, bà Vũ Thị S, **giữ nguyên** bản án dân sự sơ thẩm số 15/2019/DS-ST ngày 06/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai:

Áp dụng Điều 188 Luật đất đai năm 2013; các Điều 116, 117, 122, 123, 288, 500, 501, 502, 503 Bộ luật dân sự, xử:

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Trọng C, bà Vũ Thị S.

- Buộc ông Đinh Trọng C, bà Vũ Thị S phải nộp 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số 0003028 ngày 18/12/2018, và Biên lai số 0002385 ngày 02/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Ông Đinh Trọng C, bà Vũ Thị S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc ông Đinh Trọng C, bà Vũ Thị S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0002409 ngày 28/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Ông Đinh Trọng C, bà Vũ Thị S đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND huyện Đ;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THA dân sự huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Toà DS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Trần Văn Cảnh